

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 23/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 31- 5 – 2021

Về việc: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Đình Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trương Thế Lộc.

Ông Phan Văn Huy

Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lâm Thanh Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 153/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020, về việc: “Xin Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39A/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 22/2021/QĐST-HNGĐ ngày 14/5/2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1979 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 9, Ấp N, xã L , huyện T, tỉnh A .

Bị đơn: Bà Trần Kim D, sinh năm 1992 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Khu phố 4, phường B , thành phố H , tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Văn S trình bày: Ông và bà Trần Kim D chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/3/2011. Thời gian đầu vợ chồng ông, bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột sinh sống nên vợ chồng ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay, ông có liên lạc với bà D qua điện thoại để giải quyết việc ly hôn thì bà D

cũng đồng ý. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án cho ông được ly hôn với bà Trần Kim D.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Ông S trình bày, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án bà Trần Kim D vắng mặt, qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi cư trú của bà Trần Kim D thì được cung cấp thông tin bà Trần Kim D có đăng ký hộ khẩu thường trú tại địa phương, có nhà ở địa phương nhưng hiện tại đi đâu và làm gì không báo cho địa phương và không có mặt tại địa phương. Do đó, Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho bà Trần Kim D theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuy nhiên cho đến nay bà Trần Kim D cũng không có văn bản trình bày ý kiến về nội dung vụ việc tại Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Tuy nhiên đến nay vụ án đã vi phạm thời hạn xét xử.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông Nguyễn Văn S và bà Trần Kim D ly hôn vì mâu thuẫn giữa ông S, bà D đã phát sinh trong thời gian dài, ông bà cũng không còn chung sống, quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2015, do đó đã làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông, bà chung sống không có con chung; tài sản chung và nợ chung nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét.

Về án phí: Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Ông Nguyễn Văn S khởi kiện bà Trần Kim D yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, bà D có nơi đăng ký thường trú tại khu phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh Kiên Giang. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự có mặt của các đương sự: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Trần Kim D được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, đồng thời nguyên đơn ông Nguyễn Văn S có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Văn S và bà Trần Kim D theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Kim D chung sống với nhau từ năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh A cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 09/3/2011, do đó hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Theo ông S thì thời gian đầu vợ chồng ông, bà chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến khoảng năm 2015, giữa vợ chồng ông, bà bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau đó bà D bỏ về nhà cha mẹ ruột tại khu phố 4, phường B, thành phố H, tỉnh K sinh sống nên vợ chồng ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2015 cho đến nay. Khi ông làm đơn ly hôn thì cũng có liên lạc với bà D thì bà D cũng đồng ý. Quá trình giải quyết vụ án bà D không có ý kiến trình bày về nội dung vụ việc để yêu cầu Tòa án xem xét. Xét thấy, giữa vợ chồng ông S, bà D có mâu thuẫn trong thời gian dài, hiện nay vợ chồng ông, bà không còn chung sống với nhau, ông bà cũng không còn quan tâm chăm sóc nhau từ năm 2015 cho đến nay làm cho quan hệ hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể hàn gắn. Do đó căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên để giải quyết. “1. Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được”. Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận cho ông S và bà D được ly hôn với nhau.

[4] Về con chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Kim D chung sống không có con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung: Ông Nguyễn Văn S trình bày không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Ông Nguyễn Văn S trình bày không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn S . Ông Nguyễn Văn S được ly hôn với bà Trần Kim D.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Ông Nguyễn Văn S và bà Trần Kim D chung sống không có con chung, không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Văn S phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003845 ngày 14 tháng 10 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, sau khi khấu trừ ông S không phải nộp thêm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Đăng

